



TRUNG TÂM TƯ VẤN
VÀ HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP

GIÁ CẢ NÔNG SẢN

CHỢ TAM BÌNH - THỦ ĐỨC (Ngày 30/10/2018)

STT	Tên sản phẩm	Giá cả thị trường (VNĐ/kg)
I	Rau lá, củ quả	
1	Cải thảo	14.000
2	Xà lách búp	10.000
3	Cải bắp tròn	8.000
4	Cải ngọt	14.000
5	Cải bẹ xanh	16.000
6	Rau muống nước	6.000
7	Rau muống hạt	8.000
8	Cải thìa	12.000
9	Rau quế	14.000
10	Bầu	8.000
11	Su su	3.500
12	Khoai lang bí	10.000
13	Cà chua	23.000
14	Bông cải xanh	25.000
15	Cà rốt	20.000
16	Củ cải trắng	4.000
17	Su hào	7.000
18	Đậu hà lan	58.000
19	Đậu côve trắng	13.000
20	Khoai tây hồng	24.000
21	Bí đỏ	5.000
22	Bí xanh	10.000
23	Khổ qua	10.000
24	Dưa leo	9.000
25	Đậu bắp	9.000
26	Cà tím	7.000

27	Ớt cay Batri	35.000
28	Chanh giấy	16.000
29	Tỏi	68.000
30	Hành lá (hành hương)	19.000
31	Ngò rí	38.000
32	Rau dền	10.000
II	Trái cây	
1	Cam sành	10.000
2	Cam xoan	23.000
3	Quýt đường	30.000
4	Quýt tiêu	
5	Bưởi da xanh	40.000
6	Bưởi năm roi	24.000
7	Xoài Đài Loan	18.000
8	Xoài cát Hòa Lộc	70.000
9	Xoài ghép	13.000
10	Xoài cát chu	23.000
11	Táo xanh	10.000
12	Dưa hấu dài đỏ	10.000
13	Dưa hấu sọc	10.000
14	Nho đỏ Phan Rang	18.000
15	Thanh Long Bình Thuận	25.000
16	Thanh Long Long An	20.000
17	Đu đủ	10.000
18	Chôm chôm thái	43.000
19	Chôm chôm nhãn	28.000
20	Mãng cầu tròn	43.000
21	Nhãn huế	13.000
22	Nhãn xuong	60.000
23	Lồng mứt	23.000